VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 19/2025/QĐ-TTg *Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Thống kê ngày 23 tháng 11 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê ngày 12 tháng 11 năm 2021;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Thủ tướng Chính phủ ban hành Bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quyết định này quy định Bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam; nguyên tắc xác định, quản lý, sử dụng bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.

2. Quyết định này áp dụng đối với các bộ, ngành, cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng Bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.

Điều 2. Bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam

1. Bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 được ban hành kèm theo Quyết định này để sử dụng thống nhất trong cả nước, gồm:

a) Danh mục và mã số các đơn vị hành chính cấp tỉnh (Phụ lục I kèm theo).

b) Danh mục và mã số các đơn vị hành chính cấp xã (Phụ lục II kèm theo).

2. Mã số cấp cho một đơn vị hành chính là số định danh duy nhất, không thay đổi trong suốt quá trình đơn vị hành chính đó tồn tại thực tế. Mã số đã cấp không được sử dụng để cấp lại cho đơn vị hành chính khác cùng cấp.

3. Cấu trúc mã số đơn vị hành chính

Mã số đơn vị hành chính được phân làm 2 cấp độc lập, mỗi cấp có mã số mở để cấp mã số mới cho đơn vị hành chính khi thay đổi. Cụ thể:

a) Mã số của đơn vị hành chính cấp tỉnh được xác định bằng 02 chữ số từ số 01 đến 99;

b) Mã số của đơn vị hành chính cấp xã được xác định bằng 05 chữ số từ số 00001 đến 99999.

Điều 3. Nguyên tắc xác định mã số đơn vị hành chính khi có thay đổi

1. Đối với cấp tỉnh

a) Trường hợp tách tỉnh

Tỉnh có trụ sở Ủy ban nhân dân đóng trên địa điểm cũ thì mã số đơn vị hành chính cấp tỉnh và cấp xã không thay đổi.

Tỉnh có trụ sở Ủy ban nhân dân đóng trên địa điểm mới được cấp mã tỉnh mới, mã số đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh đó không thay đổi.

b) Trường hợp nhập tỉnh

Tỉnh hợp nhất có trụ sở Ủy ban nhân dân đóng tại tỉnh nào thì mang mã số của tỉnh đó, mã số của tỉnh còn lại sẽ bị đóng và không cấp lại cho đơn vị hành chính khác. Mã số cấp xã của tỉnh hợp nhất không thay đổi.

2. Đối với cấp xã

a) Trường hợp tách xã

Xã có trụ sở Ủy ban nhân dân đóng trên địa điểm cũ thì mang mã số cũ.

Xã có trụ sở Ủy ban nhân dân đóng trên địa điểm mới được cấp mã số mới.

b) Trường hợp nhập xã

Xã hợp nhất có trụ sở Ủy ban nhân dân đóng tại xã nào thì mang mã số của xã đó, mã số của xã còn lại bị đóng và không cấp lại cho đơn vị hành chính khác.

3. Trường hợp đơn vị hành chính các cấp đổi tên, điều chỉnh từ khu vực nông thôn sang thành thị hoặc ngược lại thì mã số không thay đổi.

Điều 4. Quản lý, sử dụng bảng danh mục và mã số đơn vị hành chính

1. Thủ tướng Chính phủ ban hành bảng Danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam. Bộ Tài chính (Cục Thống kê) có trách nhiệm quản lý hệ thống mã số đơn vị hành chính các cấp trong cả nước.

2. Căn cứ vào Nghị quyết của Quốc hội, Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc thay đổi đơn vị hành chính, Bộ Tài chính (Cục Thống kê) có trách nhiệm sắp xếp, đóng mã số, cấp mã số đơn vị hành chính các cấp và thông báo kịp thời cho các đơn vị trong toàn quốc để thống nhất sử dụng.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

2. Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg ngày 08 tháng 7 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bảng Danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

Điều 6. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ Tài chính (Cục Thống kê)

Quản lý, sắp xếp và cấp mã số mới cho đơn vị hành chính các cấp khi có thay đổi.

Hướng dẫn các bộ, ngành, cơ quan thực hiện theo đúng quy định của Quyết định này.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Nguyễn Hòa Bình

Phụ lục I

DANH MỤC VÀ MÃ SỐ CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

(Kèm theo Quyết định số 19/2025/QĐ-TTg ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Mã số	Tên tỉnh, thành phố
1	01	Thành phố Hà Nội
2	04	Tỉnh Cao Bằng
3	08	Tỉnh Tuyên Quang
4	11	Tỉnh Điện Biên
5	12	Tỉnh Lai Châu
6	14	Tỉnh Sơn La
7	15	Tỉnh Lào Cai
8	19	Tỉnh Thái Nguyên
9	20	Tỉnh Lạng Sơn
10	22	Tỉnh Quảng Ninh
11	24	Tỉnh Bắc Ninh
12	25	Tỉnh Phú Thọ
13	31	Thành phố Hải Phòng
14	33	Tỉnh Hưng Yên
15	37	Tỉnh Ninh Bình
16	38	Tỉnh Thanh Hóa
17	40	Tỉnh Nghệ An
18	42	Tỉnh Hà Tĩnh
19	44	Tỉnh Quảng Trị
20	46	Thành phố Huế
21	48	Thành phố Đà Nẵng

STT	Mã số	Tên tỉnh, thành phố
22	51	Tỉnh Quảng Ngãi
23	52	Tỉnh Gia Lai
24	56	Tỉnh Khánh Hòa
25	66	Tỉnh Đắk Lắk
26	68	Tỉnh Lâm Đồng
27	75	Tỉnh Đồng Nai
28	79	Thành phố Hồ Chí Minh
29	80	Tỉnh Tây Ninh
30	82	Tỉnh Đồng Tháp
31	86	Tỉnh Vĩnh Long
32	91	Tỉnh An Giang
33	92	Thành phố Cần Thơ
34	96	Tỉnh Cà Mau

Phụ lục II

DANH MỤC VÀ MÃ SỐ CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

(Kèm theo Quyết định số 19/2025/QĐ-TTg ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)

01. THÀNH PHỐ HÀ NỘI

(Tổng số đơn vị hành chính cấp xã: 126, gồm 75 xã, 51 phường)

Mã số	Tên đơn vị hành chính
00004	Phường Ba Đình
00008	Phường Ngọc Hà
00025	Phường Giảng Võ
00070	Phường Hoàn Kiếm
00082	Phường Cửa Nam
00091	Phường Phú Thượng
00097	Phường Hồng Hà
00103	Phường Tây Hồ
00118	Phường Bồ Đề
00127	Phường Việt Hưng
00136	Phường Phúc Lợi
00145	Phường Long Biên
00160	Phường Nghĩa Đô
00166	Phường Cầu Giấy
00175	Phường Yên Hòa
00190	Phường Ô Chợ Dừa

Mã số	Tên đơn vị hành chính
00199	Phường Láng
00226	Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám
00229	Phường Kim Liên
00235	Phường Đống Đa
00256	Phường Hai Bà Trưng
00283	Phường Vĩnh Tuy
00292	Phường Bạch Mai
00301	Phường Vĩnh Hưng
00316	Phường Định Công
00322	Phường Tương Mai
00328	Phường Lĩnh Nam
00331	Phường Hoàng Mai
00337	Phường Hoàng Liệt
00340	Phường Yên Sở
00352	Phường Phương Liệt
00364	Phường Khương Đình
00367	Phường Thanh Xuân
00592	Phường Từ Liêm
00598	Phường Thượng Cát
00602	Phường Đông Ngạc
00611	Phường Xuân Đỉnh
00613	Phường Tây Tựu

Mã số	Tên đơn vị hành chính
00619	Phường Phú Diễn
00622	Phường Xuân Phương
00634	Phường Tây Mỗ
00637	Phường Đại Mỗ
00643	Phường Thanh Liệt
09552	Phường Kiến Hưng
09556	Phường Hà Đông
09562	Phường Yên Nghĩa
09568	Phường Phú Lương
09574	Phường Sơn Tây
09604	Phường Tùng Thiện
09886	Phường Dương Nội
10015	Phường Chương Mỹ
00376	Xã Sóc Sơn
00382	Xã Kim Anh
00385	Xã Trung Giã
00430	Xã Đa Phúc
00433	Xã Nội Bài
00454	Xã Đông Anh
00466	Xã Phúc Thịnh
00475	Xã Thư Lâm
00493	Xã Thiên Lộc

Mã số	Tên đơn vị hành chính
00508	Xã Vĩnh Thanh
00541	Xã Phù Đổng
00562	Xã Thuận An
00565	Xã Gia Lâm
00577	Xã Bát Tràng
00640	Xã Thanh Trì
00664	Xã Đại Thanh
00679	Xã Ngọc Hồi
00685	Xã Nam Phù
04930	Xã Yên Xuân
08974	Xã Quang Minh
08980	Xã Yên Lãng
08995	Xã Tiến Thắng
09022	Xã Mê Linh
09616	Xã Đoài Phương
09619	Xã Quảng Oai
09634	Xã Cổ Đô
09661	Xã Minh Châu
09664	Xã Vật Lại
09676	Xã Bất Bạt
09694	Xã Suối Hai
09700	Xã Ba Vì

Mã số	Tên đơn vị hành chính
09706	Xã Yên Bài
09715	Xã Phúc Thọ
09739	Xã Phúc Lộc
09772	Xã Hát Môn
09784	Xã Đan Phượng
09787	Xã Liên Minh
09817	Xã Ô Diên
09832	Xã Hoài Đức
09856	Xã Dương Hòa
09871	Xã Sơn Đồng
09877	Xã An Khánh
09895	Xã Quốc Oai
09910	Xã Kiều Phú
09931	Xã Hưng Đạo
09952	Xã Phú Cát
09955	Xã Thạch Thất
09982	Xã Hạ Bằng
09988	Xã Hòa Lạc
10003	Xã Tây Phương
10030	Xã Phú Nghĩa
10045	Xã Xuân Mai
10072	Xã Quảng Bị

Mã số	Tên đơn vị hành chính
10081	Xã Trần Phú
10096	Xã Hòa Phú
10114	Xã Thanh Oai
10126	Xã Bình Minh
10144	Xã Tam Hưng
10180	Xã Dân Hòa
10183	Xã Thường Tín
10210	Xã Hồng Vân
10231	Xã Thượng Phúc
10237	Xã Chương Dương
10273	Xã Phú Xuyên
10279	Xã Phượng Dực
10330	Xã Chuyên Mỹ
10342	Xã Đại Xuyên
10354	Xã Vân Đình
10369	Xã Ứng Thiên
10402	Xã Ứng Hòa
10417	Xã Hòa Xá
10441	Xã Mỹ Đức
10459	Xã Phúc Sơn
10465	Xã Hồng Sơn
10489	Xã Hương Sơn

04. TỈNH CAO BẰNG
(Tổng số đơn vị hành chính cấp xã: 56, gồm 53 xã, 03 phường)

Mã số	Tên đơn vị hành chính
01273	Phường Thục Phán
01279	Phường Nùng Trí Cao
01288	Phường Tân Giang
01290	Xã Bảo Lâm
01294	Xã Lý Bôn
01297	Xã Nam Quang
01304	Xã Quảng Lâm
01318	Xã Yên Thổ
01321	Xã Bảo Lạc
01324	Xã Cốc Pàng
01327	Xã Cô Ba
01336	Xã Khánh Xuân
01339	Xã Xuân Trường
01351	Xã Hưng Đạo
01354	Xã Huy Giáp
01360	Xã Sơn Lộ
01363	Xã Thông Nông
01366	Xã Cần Yên
01387	Xã Thanh Long

Mã số	Tên đơn vị hành chính
01392	Xã Trường Hà
01393	Xã Lũng Nặm
01414	Xã Tổng Cọt
01438	Xã Hà Quảng
01447	Xã Trà Lĩnh
01456	Xã Quang Hán
01465	Xã Quang Trung
01477	Xã Trùng Khánh
01489	Xã Đình Phong
01501	Xã Đàm Thủy
01525	Xã Đoài Dương
01537	Xã Lý Quốc
01552	Xã Quang Long
01558	Xã Hạ Lang
01561	Xã Vinh Quý
01576	Xã Quảng Uyên
01594	Xã Độc Lập
01618	Xã Hạnh Phúc
01636	Xã Bế Văn Đàn
01648	Xã Phục Hòa
01654	Xã Hòa An

Mã số	Tên đơn vị hành chính
01660	Xã Nam Tuấn
01699	Xã Nguyễn Huệ
01708	Xã Bạch Đằng
01726	Xã Nguyên Bình
01729	Xã Tĩnh Túc
01738	Xã Ca Thành
01747	Xã Minh Tâm
01768	Xã Phan Thanh
01774	Xã Tam Kim
01777	Xã Thành Công
01786	Xã Đông Khê
01789	Xã Canh Tân
01792	Xã Kim Đồng
01795	Xã Minh Khai
01807	Xã Thạch An
01822	Xã Đức Long

08. TỈNH TUYÊN QUANG
(Tổng số đơn vị hành chính cấp xã: 124, gồm 117 xã, 07 phường)

Mã số	Tên đơn vị hành chính
00691	Phường Hà Giang 2
00694	Phường Hà Giang 1
02212	Phường Nông Tiến
02215	Phường Minh Xuân
02509	Phường Mỹ Lâm
02512	Phường An Tường
02524	Phường Bình Thuận
00700	Xã Ngọc Đường
00706	Xã Phú Linh
00715	Xã Lũng Cú
00721	Xã Đồng Văn
00733	Xã Sà Phìn
00745	Xã Phố Bảng
00763	Xã Lũng Phìn
00769	Xã Mèo Vạc
00778	Xã Sơn Vĩ
00787	Xã Sủng Máng
00802	Xã Khâu Vai
00808	Xã Tát Ngà

Mã số	Tên đơn vị hành chính
00817	Xã Niêm Sơn
00820	Xã Yên Minh
00829	Xã Thắng Mố
00832	Xã Bạch Đích
00847	Xã Mậu Duệ
00859	Xã Ngọc Long
00865	Xã Đường Thượng
00871	Xã Du Già
00874	Xã Quản Bạ
00883	Xã Cán Tỷ
00889	Xã Nghĩa Thuận
00892	Xã Tùng Vài
00901	Xã Lùng Tám
00913	Xã Vị Xuyên
00919	Xã Minh Tân
00922	Xã Thuận Hòa
00925	Xã Tùng Bá
00928	Xã Thanh Thủy
00937	Xã Lao Chải
00952	Xã Cao Bồ
00958	Xã Thượng Sơn

Mã số	Tên đơn vị hành chính
00967	Xã Việt Lâm
00970	Xã Linh Hồ
00976	Xã Bạch Ngọc
00982	Xã Minh Sơn
00985	Xã Giáp Trung
00991	Xã Bắc Mê
00994	Xã Minh Ngọc
01006	Xã Yên Cường
01012	Xã Đường Hồng
01021	Xã Hoàng Su Phì
01024	Xã Bản Máy
01033	Xã Thàng Tín
01051	Xã Tân Tiến
01057	Xã Pờ Ly Ngài
01075	Xã Nậm Dịch
01084	Xã Hồ Thầu
01090	Xã Thông Nguyên
01096	Xã Pà Vầy Sủ
01108	Xã Xín Mần
01117	Xã Trung Thịnh
01141	Xã Nấm Dẩn

Mã số	Tên đơn vị hành chính
01144	Xã Quảng Nguyên
01147	Xã Khuôn Lùng
01153	Xã Bắc Quang
01156	Xã Vĩnh Tuy
01165	Xã Đồng Tâm
01171	Xã Tân Quang
01180	Xã Bằng Hành
01192	Xã Liên Hiệp
01201	Xã Hùng An
01216	Xã Đồng Yên
01225	Xã Tiên Nguyên
01234	Xã Yên Thành
01237	Xã Quang Bình
01243	Xã Tân Trịnh
01246	Xã Bằng Lang
01255	Xã Xuân Giang
01261	Xã Tiên Yên
02221	Xã Nà Hang
02239	Xã Thượng Nông
02245	Xã Côn Lôn
02248	Xã Yên Hoa

Mã số	Tên đơn vị hành chính
02260	Xã Hồng Thái
02266	Xã Lâm Bình
02269	Xã Thượng Lâm
02287	Xã Chiêm Hóa
02296	Xã Bình An
02302	Xã Minh Quang
02305	Xã Trung Hà
02308	Xã Tân Mỹ
02317	Xã Yên Lập
02320	Xã Tân An
02332	Xã Kiên Đài
02350	Xã Kim Bình
02353	Xã Hòa An
02359	Xã Tri Phú
02365	Xã Yên Nguyên
02374	Xã Hàm Yên
02380	Xã Bạch Xa
02392	Xã Phù Lưu
02398	Xã Yên Phú
02404	Xã Bình Xa
02407	Xã Thái Sơn

Mã số	Tên đơn vị hành chính
02419	Xã Thái Hòa
02425	Xã Hùng Đức
02434	Xã Lực Hành
02437	Xã Kiến Thiết
02449	Xã Xuân Vân
02455	Xã Hùng Lợi
02458	Xã Trung Sơn
02470	Xã Tân Long
02473	Xã Yên Sơn
02494	Xã Thái Bình
02530	Xã Nhữ Khê
02536	Xã Sơn Dương
02545	Xã Tân Trào
02548	Xã Bình Ca
02554	Xã Minh Thanh
02572	Xã Đông Thọ
02578	Xã Tân Thanh
02608	Xã Hồng Sơn
02611	Xã Phú Lương
02620	Xã Sơn Thủy
02623	Xã Trường Sinh

11. TỈNH ĐIỆN BIÊN
(Tổng số đơn vị hành chính cấp xã: 45, gồm 42 xã, 03 phường)

Mã số	Tên đơn vị hành chính
03127	Phường Điện Biên Phủ
03151	Phường Mường Lay
03334	Phường Mường Thanh
03158	Xã Sín Thầu
03160	Xã Mường Nhé
03162	Xã Nậm Kè
03163	Xã Mường Toong
03164	Xã Quảng Lâm
03166	Xã Mường Chà
03169	Xã Nà Hỳ
03172	Xã Na Sang
03175	Xã Chà Tở
03176	Xã Nà Bủng
03181	Xã Mường Tùng
03193	Xã Pa Ham
03194	Xã Nậm Nèn
03199	Xã Si Pa Phìn
03202	Xã Mường Pồn
03203	Xã Na Son

Mã số	Tên đơn vị hành chính
03208	Xã Xa Dung
03214	Xã Mường Luân
03217	Xã Tủa Chùa
03220	Xã Tủa Thàng
03226	Xã Sín Chải
03241	Xã Sính Phình
03244	Xã Sáng Nhè
03253	Xã Tuần Giáo
03256	Xã Mường Ảng
03260	Xã Pú Nhung
03268	Xã Mường Mùn
03283	Xã Chiềng Sinh
03295	Xã Quài Tở
03301	Xã Búng Lao
03313	Xã Mường Lạn
03316	Xã Nà Tấu
03325	Xã Mường Phăng
03328	Xã Thanh Nưa
03349	Xã Thanh Yên
03352	Xã Thanh An
03356	Xã Sam Mứn

Mã số	Tên đơn vị hành chính
03358	Xã Núa Ngam
03368	Xã Mường Nhà
03370	Xã Pu Nhi
03382	Xã Phình Giàng
03385	Xã Tìa Dình

12. TỈNH LAI CHÂU
(Tổng số đơn vị hành chính cấp xã: 38, gồm 36 xã, 02 phường)

Mã số	Tên đơn vị hành chính
03388	Phường Đoàn Kết
03408	Phường Tân Phong
03390	Xã Bình Lư
03394	Xã Sin Suối Hồ
03405	Xã Tả Lèng
03424	Xã Bản Bo
03430	Xã Khun Há
03433	Xã Bum Tở
03434	Xã Nậm Hàng
03439	Xã Thu Lũm
03442	Xã Pa Ủ
03445	Xã Mường Tè
03451	Xã Mù Cả
03460	Xã Hua Bum
03463	Xã Tà Tổng
03466	Xã Bum Nưa
03472	Xã Mường Mô
03478	Xã Sìn Hồ
03487	Xã Lê Lợi
03503	Xã Pa Tần

Mã số	Tên đơn vị hành chính
03508	Xã Hồng Thu
03517	Xã Nậm Tăm
03529	Xã Tủa Sín Chải
03532	Xã Pu Sam Cáp
03538	Xã Nậm Mạ
03544	Xã Nậm Cuổi
03549	Xã Phong Thổ
03562	Xã Sì Lở Lầu
03571	Xã Dào San
03583	Xã Khổng Lào
03595	Xã Than Uyên
03598	Xã Tân Uyên
03601	Xã Mường Khoa
03613	Xã Nậm Sỏ
03616	Xã Pắc Ta
03618	Xã Mường Than
03637	Xã Mường Kim
03640	Xã Khoen On

14. TỈNH SƠN LA
(Tổng số đơn vị hành chính cấp xã: 75, gồm 67 xã, 08 phường)

Mã số	Tên đơn vị hành chính
03646	Phường Tô Hiệu
03664	Phường Chiềng An
03670	Phường Chiềng Cơi
03679	Phường Chiềng Sinh
03979	Phường Mộc Sơn
03980	Phường Mộc Châu
03982	Phường Thảo Nguyên
04033	Phường Vân Sơn
03688	Xã Mường Chiên
03694	Xã Mường Giôn
03703	Xã Quỳnh Nhai
03712	Xã Mường Sại
03721	Xã Thuận Châu
03724	Xã Bình Thuận
03727	Xã Mường É
03754	Xã Chiềng La
03757	Xã Mường Khiêng
03760	Xã Mường Bám
03763	Xã Long Hẹ
03781	Xã Co Mạ

Mã số	Tên đơn vị hành chính
03784	Xã Nậm Lầu
03799	Xã Muổi Nọi
03808	Xã Mường La
03814	Xã Chiềng Lao
03820	Xã Ngọc Chiến
03847	Xã Mường Bú
03850	Xã Chiềng Hoa
03856	Xã Bắc Yên
03862	Xã Xím Vàng
03868	Xã Tà Xùa
03871	Xã Pắc Ngà
03880	Xã Tạ Khoa
03892	Xã Chiềng Sại
03901	Xã Suối Tọ
03907	Xã Mường Cơi
03910	Xã Phù Yên
03922	Xã Gia Phù
03943	Xã Mường Bang
03958	Xã Tường Hạ
03961	Xã Kim Bon
03970	Xã Tân Phong
03985	Xã Chiềng Sơn

Mã số	Tên đơn vị hành chính
03997	Xã Tân Yên
04000	Xã Đoàn Kết
04006	Xã Song Khủa
04018	Xã Tô Múa
04045	Xã Lóng Sập
04048	Xã Vân Hồ
04057	Xã Xuân Nha
04075	Xã Yên Châu
04078	Xã Chiềng Hặc
04087	Xã Yên Sơn
04096	Xã Lóng Phiêng
04099	Xã Phiêng Khoài
04105	Xã Mai Sơn
04108	Xã Chiềng Sung
04117	Xã Mường Chanh
04123	Xã Chiềng Mung
04132	Xã Chiềng Mai
04136	Xã Tà Hộc
04144	Xã Phiêng Cằm
04159	Xã Phiêng Pằn
04168	Xã Sông Mã
04171	Xã Bó Sinh

Mã số	Tên đơn vị hành chính
04183	Xã Mường Lầm
04186	Xã Nậm Ty
04195	Xã Chiềng Sơ
04204	Xã Chiềng Khoong
04210	Xã Huổi Một
04219	Xã Mường Hung
04222	Xã Chiềng Khương
04228	Xã Púng Bánh
04231	Xã Sốp Cộp
04240	Xã Mường Lèo
04246	Xã Mường Lạn

15. TỈNH LÀO CAI
(Tổng số đơn vị hành chính cấp xã: 99, gồm 89 xã, 10 phường)

Mã số	Tên đơn vị hành chính
02647	Phường Lào Cai
02671	Phường Cam Đường
03006	Phường Sa Pa
04252	Phường Yên Bái
04273	Phường Nam Cường
04279	Phường Văn Phú
04288	Phường Nghĩa Lộ
04543	Phường Âu Lâu
04663	Phường Trung Tâm
04681	Phường Cầu Thia
02680	Xã Hợp Thành
02683	Xã Bát Xát
02686	Xã A Mú Sung
02695	Xã Trịnh Tường
02701	Xã Y Tý
02707	Xã Dền Sáng
02725	Xã Bản Xèo
02728	Xã Mường Hum
02746	Xã Cốc San

Mã số	Tên đơn vị hành chính
02752	Xã Pha Long
02761	Xã Mường Khương
02782	Xã Cao Sơn
02788	Xã Bản Lầu
02809	Xã Si Ma Cai
02824	Xã Sín Chéng
02839	Xã Bắc Hà
02842	Xã Tả Củ Tỷ
02848	Xã Lùng Phình
02869	Xã Bản Liền
02890	Xã Bảo Nhai
02896	Xã Cốc Lầu
02902	Xã Phong Hải
02905	Xã Bảo Thắng
02908	Xã Tằng Loỏng
02923	Xã Gia Phú
02926	Xã Xuân Quang
02947	Xã Bảo Yên
02953	Xã Nghĩa Đô
02962	Xã Xuân Hòa
02968	Xã Thượng Hà

Mã số	Tên đơn vị hành chính
02989	Xã Bảo Hà
02998	Xã Phúc Khánh
03004	Xã Ngũ Chỉ Sơn
03013	Xã Tả Phìn
03037	Xã Tả Van
03043	Xã Mường Bo
03046	Xã Bản Hồ
03061	Xã Võ Lao
03076	Xã Nậm Chày
03082	Xã Văn Bàn
03085	Xã Nậm Xé
03091	Xã Chiềng Ken
03103	Xã Khánh Yên
03106	Xã Dương Quỳ
03121	Xã Minh Lương
04303	Xã Lục Yên
04309	Xã Lâm Thượng
04336	Xã Tân Lĩnh
04342	Xã Khánh Hòa
04345	Xã Mường Lai
04363	Xã Phúc Lợi

Mã số	Tên đơn vị hành chính
04375	Xã Mậu A
04381	Xã Lâm Giang
04387	Xã Châu Quế
04399	Xã Đông Cuông
04402	Xã Phong Dụ Hạ
04423	Xã Phong Dụ Thượng
04429	Xã Tân Hợp
04441	Xã Xuân Ái
04450	Xã Mỏ Vàng
04456	Xã Mù Cang Chải
04462	Xã Nậm Có
04465	Xã Khao Mang
04474	Xã Lao Chải
04489	Xã Chế Tạo
04492	Xã Púng Luông
04498	Xã Trấn Yên
04531	Xã Quy Mông
04537	Xã Lương Thịnh
04564	Xã Việt Hồng
04576	Xã Hưng Khánh
04585	Xã Hạnh Phúc

Mã số	Tên đơn vị hành chính
04603	Xã Tà Xi Láng
04606	Xã Trạm Tấu
04609	Xã Phình Hồ
04630	Xã Tú Lệ
04636	Xã Gia Hội
04651	Xã Sơn Lương
04660	Xã Liên Sơn
04672	Xã Văn Chấn
04693	Xã Cát Thịnh
04699	Xã Chấn Thịnh
04705	Xã Thượng Bằng La
04711	Xã Nghĩa Tâm
04714	Xã Yên Bình
04717	Xã Thác Bà
04726	Xã Cảm Nhân
04744	Xã Yên Thành
04750	Xã Bảo Ái

19. TỈNH THÁI NGUYÊN
(Tổng số đơn vị hành chính cấp xã: 92, gồm 77 xã, 15 phường)

Mã số	Tên đơn vị hành chính
01840	Phường Đức Xuân
01843	Phường Bắc Kạn
05443	Phường Phan Đình Phùng
05455	Phường Quyết Thắng
05467	Phường Gia Sàng
05482	Phường Quan Triều
05500	Phường Tích Lương
05518	Phường Sông Công
05528	Phường Bách Quang
05533	Phường Bá Xuyên
05710	Phường Linh Sơn
05857	Phường Phúc Thuận
05860	Phường Phổ Yên
05890	Phường Vạn Xuân
05899	Phường Trung Thành
01849	Xã Phong Quang
01864	Xã Bằng Thành
01879	Xã Cao Minh
01882	Xã Nghiên Loan

Mã số	Tên đơn vị hành chính
01894	Xã Phúc Lộc
01906	Xã Ba Bể
01912	Xã Chợ Rã
01921	Xã Thượng Minh
01933	Xã Đồng Phúc
01936	Xã Nà Phặc
01942	Xã Bằng Vân
01954	Xã Ngân Sơn
01957	Xã Thượng Quan
01960	Xã Hiệp Lực
01969	Xã Phủ Thông
01981	Xã Vĩnh Thông
02008	Xã Cẩm Giàng
02014	Xã Bạch Thông
02020	Xã Chợ Đồn
02026	Xã Nam Cường
02038	Xã Quảng Bạch
02044	Xã Yên Thịnh
02071	Xã Nghĩa Tá
02083	Xã Yên Phong
02086	Xã Chợ Mới

Mã số	Tên đơn vị hành chính
02101	Xã Thanh Mai
02104	Xã Tân Kỳ
02107	Xã Thanh Thịnh
02116	Xã Yên Bình
02143	Xã Văn Lang
02152	Xã Cường Lợi
02155	Xã Na Rì
02176	Xã Trần Phú
02185	Xã Côn Minh
02191	Xã Xuân Dương
05488	Xã Đại Phúc
05503	Xã Tân Cương
05542	Xã Lam Vỹ
05551	Xã Kim Phượng
05563	Xã Phượng Tiến
05569	Xã Định Hóa
05581	Xã Trung Hội
05587	Xã Bình Yên
05602	Xã Phú Đình
05605	Xã Bình Thành
05611	Xã Phú Lương

Mã số	Tên đơn vị hành chính
05620	Xã Yên Trạch
05632	Xã Hợp Thành
05641	Xã Vô Tranh
05662	Xã Trại Cau
05665	Xã Văn Lăng
05674	Xã Quang Sơn
05680	Xã Văn Hán
05692	Xã Đồng Hỷ
05707	Xã Nam Hòa
05716	Xã Võ Nhai
05719	Xã Sảng Mộc
05722	Xã Nghinh Tường
05725	Xã Thần Sa
05740	Xã La Hiên
05746	Xã Tràng Xá
05755	Xã Dân Tiến
05773	Xã Phú Xuyên
05776	Xã Đức Lương
05788	Xã Phú Lạc
05800	Xã Phú Thịnh
05809	Xã An Khánh

Mã số	Tên đơn vị hành chính
05818	Xã La Bằng
05830	Xã Đại Từ
05845	Xã Vạn Phú
05851	Xã Quân Chu
05881	Xã Thành Công
05908	Xã Phú Bình
05917	Xã Tân Khánh
05923	Xã Tân Thành
05941	Xã Điềm Thụy
05953	Xã Kha Sơn

20. TỈNH LẠNG SƠN
(Tổng số đơn vị hành chính cấp xã: 65, gồm 61 xã, 04 phường)

Mã số	Tên đơn vị hành chính
05977	Phường Đông Kinh
05983	Phường Lương Văn Tri
05986	Phường Tam Thanh
06187	Phường Kỳ Lừa
06001	Xã Đoàn Kết
06004	Xã Quốc Khánh
06019	Xã Tân Tiến
06037	Xã Kháng Chiến
06040	Xã Thất Khê
06046	Xã Tràng Định
06058	Xã Quốc Việt
06073	Xã Hoa Thám
06076	Xã Quý Hòa
06079	Xã Hồng Phong
06085	Xã Thiện Hòa
06091	Xã Thiện Thuật
06103	Xã Thiện Long
06112	Xã Bình Gia
06115	Xã Tân Văn

Mã số	Tên đơn vị hành chính
06124	Xã Na Sầm
06148	Xã Thụy Hùng
06151	Xã Hội Hoan
06154	Xã Văn Lãng
06172	Xã Hoàng Văn Thụ
06184	Xã Đồng Đăng
06196	Xã Ba Sơn
06211	Xã Cao Lộc
06220	Xã Công Sơn
06253	Xã Văn Quan
06280	Xã Điềm He
06286	Xã Khánh Khê
06298	Xã Yên Phúc
06313	Xã Tri Lễ
06316	Xã Tân Đoàn
06325	Xã Bắc Sơn
06337	Xã Tân Tri
06349	Xã Hưng Vũ
06364	Xã Vũ Lễ
06367	Xã Vũ Lăng
06376	Xã Nhất Hòa

Mã số	Tên đơn vị hành chính
06385	Xã Hữu Lũng
06391	Xã Yên Bình
06400	Xã Hữu Liên
06415	Xã Vân Nham
06427	Xã Cai Kinh
06436	Xã Thiện Tân
06445	Xã Tân Thành
06457	Xã Tuấn Sơn
06463	Xã Chi Lăng
06475	Xã Bằng Mạc
06481	Xã Chiến Thắng
06496	Xã Nhân Lý
06505	Xã Vạn Linh
06517	Xã Quan Sơn
06526	Xã Na Dương
06529	Xã Lộc Bình
06541	Xã Mẫu Sơn
06565	Xã Khuất Xá
06577	Xã Thống Nhất
06601	Xã Lợi Bác
06607	Xã Xuân Dương

Mã số	Tên đơn vị hành chính
06613	Xã Đình Lập
06616	Xã Thái Bình
06625	Xã Kiên Mộc
06637	Xã Châu Sơn

22. TỈNH QUẢNG NINH
(Tổng số đơn vị hành chính cấp xã: 54, gồm 22 xã, 30 phường, 02 đặc khu)

Mã số	Tên đơn vị hành chính
06652	Phường Hà Tu
06658	Phường Cao Xanh
06661	Phường Việt Hưng
06673	Phường Bãi Cháy
06676	Phường Hà Lầm
06685	Phường Hồng Gai
06688	Phường Hạ Long
06706	Phường Tuần Châu
06709	Phường Móng Cái 2
06712	Phường Móng Cái 1
06736	Phường Móng Cái 3
06760	Phường Mông Dương
06778	Phường Quang Hanh
06781	Phường Cửa Ông
06793	Phường Cẩm Phả
06811	Phường Uông Bí
06820	Phường Vàng Danh
06832	Phường Yên Tử
07030	Phường Hoành Bồ

Mã số	Tên đơn vị hành chính
07069	Phường Mạo Khê
07081	Phường Bình Khê
07090	Phường An Sinh
07093	Phường Đông Triều
07114	Phường Hoàng Quế
07132	Phường Quảng Yên
07135	Phường Đông Mai
07147	Phường Hiệp Hòa
07168	Phường Hà An
07180	Phường Liên Hòa
07183	Phường Phong Cốc
06724	Xã Hải Sơn
06733	Xã Hải Ninh
06757	Xã Vĩnh Thực
06799	Xã Hải Hòa
06838	Xã Bình Liêu
06841	Xã Hoành Mô
06856	Xã Lục Hồn
06862	Xã Tiên Yên
06874	Xã Điền Xá
06877	Xã Đông Ngũ

Mã số	Tên đơn vị hành chính
06886	Xã Hải Lạng
06895	Xã Đầm Hà
06913	Xã Quảng Tân
06922	Xã Quảng Hà
06931	Xã Quảng Đức
06946	Xã Đường Hoa
06967	Xã Cái Chiên
06970	Xã Ba Chẽ
06979	Xã Kỳ Thượng
06985	Xã Lương Minh
07054	Xã Quảng La
07060	Xã Thống Nhất
06994	Đặc khu Vân Đồn
07192	Đặc khu Cô Tô

24. TỈNH BẮC NINH
(Tổng số đơn vị hành chính cấp xã: 99, gồm 66 xã, 33 phường)

Mã số	Tên đơn vị hành chính
07210	Phường Bắc Giang
07228	Phường Đa Mai
07525	Phường Chũ
07612	Phường Phượng Sơn
07681	Phường Yên Dũng
07682	Phường Tân An
07696	Phường Tiền Phong
07699	Phường Tân Tiến
07738	Phường Cảnh Thụy
07774	Phường Tự Lạn
07777	Phường Việt Yên
07795	Phường Nếnh
07798	Phường Vân Hà
09169	Phường Vũ Ninh
09187	Phường Kinh Bắc
09190	Phường Võ Cường
09247	Phường Quế Võ
09253	Phường Nhân Hòa
09265	Phường Phương Liễu

Mã số	Tên đơn vị hành chính
09286	Phường Nam Sơn
09295	Phường Bồng Lai
09301	Phường Đào Viên
09325	Phường Hạp Lĩnh
09367	Phường Từ Sơn
09370	Phường Tam Sơn
09379	Phường Phù Khê
09385	Phường Đồng Nguyên
09400	Phường Thuận Thành
09409	Phường Mão Điền
09427	Phường Trí Quả
09430	Phường Trạm Lộ
09433	Phường Song Liễu
09445	Phường Ninh Xá
07246	Xã Xuân Lương
07264	Xã Tam Tiến
07282	Xã Đồng Kỳ
07288	Xã Yên Thế
07294	Xã Bố Hạ
07306	Xã Nhã Nam
07330	Xã Phúc Hòa

Mã số	Tên đơn vị hành chính
07333	Xã Quang Trung
07339	Xã Tân Yên
07351	Xã Ngọc Thiện
07375	Xã Lạng Giang
07381	Xã Tiên Lục
07399	Xã Kép
07420	Xã Mỹ Thái
07432	Xã Tân Dĩnh
07444	Xã Lục Nam
07450	Xã Đông Phú
07462	Xã Bảo Đài
07486	Xã Nghĩa Phương
07489	Xã Trường Sơn
07492	Xã Lục Sơn
07498	Xã Bắc Lũng
07519	Xã Cẩm Lý
07531	Xã Tân Sơn
07534	Xã Sa Lý
07537	Xã Biên Sơn
07543	Xã Sơn Hải
07552	Xã Kiên Lao

Mã số	Tên đơn vị hành chính
07573	Xã Biển Động
07582	Xã Lục Ngạn
07594	Xã Đèo Gia
07603	Xã Nam Dương
07615	Xã Sơn Động
07616	Xã Tây Yên Tử
07621	Xã Vân Sơn
07627	Xã Đại Sơn
07642	Xã Yên Định
07654	Xã An Lạc
07663	Xã Tuấn Đạo
07672	Xã Dương Hưu
07735	Xã Đồng Việt
07822	Xã Hoàng Vân
07840	Xã Hiệp Hòa
07864	Xã Hợp Thịnh
07870	Xã Xuân Cẩm
09193	Xã Yên Phong
09202	Xã Tam Giang
09205	Xã Yên Trung
09208	Xã Tam Đa

Mã số	Tên đơn vị hành chính
09238	Xã Văn Môn
09292	Xã Phù Lãng
09313	Xã Chi Lăng
09319	Xã Tiên Du
09334	Xã Liên Bão
09340	Xã Đại Đồng
09343	Xã Tân Chi
09349	Xã Phật Tích
09454	Xã Gia Bình
09466	Xã Cao Đức
09469	Xã Đại Lai
09475	Xã Nhân Thắng
09487	Xã Đông Cứu
09496	Xã Lương Tài
09499	Xã Trung Kênh
09523	Xã Trung Chính
09529	Xã Lâm Thao

25. TỈNH PHÚ THỌ
(Tổng số đơn vị hành chính cấp xã: 148, gồm 133 xã, 15 phường)

Mã số	Tên đơn vị hành chính
04792	Phường Tân Hòa
04795	Phường Hòa Bình
04828	Phường Thống Nhất
04894	Phường Kỳ Sơn
07894	Phường Nông Trang
07900	Phường Việt Trì
07909	Phường Thanh Miếu
07918	Phường Vân Phú
07942	Phường Phú Thọ
07948	Phường Âu Cơ
07954	Phường Phong Châu
08707	Phường Vĩnh Yên
08716	Phường Vĩnh Phúc
08740	Phường Phúc Yên
08746	Phường Xuân Hòa
04831	Xã Đà Bắc
04846	Xã Đức Nhàn
04849	Xã Tân Pheo
04873	Xã Quy Đức

Mã số	Tên đơn vị hành chính
04876	Xã Cao Sơn
04891	Xã Tiền Phong
04897	Xã Thịnh Minh
04924	Xã Lương Sơn
04960	Xã Liên Sơn
04978	Xã Kim Bôi
04990	Xã Nật Sơn
05014	Xã Mường Động
05047	Xã Cao Dương
05068	Xã Hợp Kim
05086	Xã Dũng Tiến
05089	Xã Cao Phong
05092	Xã Thung Nai
05116	Xã Mường Thàng
05128	Xã Tân Lạc
05134	Xã Mường Hoa
05152	Xã Vân Sơn
05158	Xã Mường Bi
05191	Xã Toàn Thắng
05200	Xã Mai Châu
05206	Xã Tân Mai

Mã số	Tên đơn vị hành chính
05212	Xã Pà Cò
05245	Xã Bao La
05251	Xã Mai Hạ
05266	Xã Lạc Sơn
05287	Xã Mường Vang
05290	Xã Nhân Nghĩa
05293	Xã Thượng Cốc
05305	Xã Yên Phú
05323	Xã Quyết Thắng
05329	Xã Ngọc Sơn
05347	Xã Đại Đồng
05353	Xã Yên Thủy
05362	Xã Lạc Lương
05386	Xã Yên Trị
05392	Xã Lạc Thủy
05395	Xã An Nghĩa
05425	Xã An Bình
07969	Xã Đoan Hùng
07996	Xã Bằng Luân
07999	Xã Chí Đám
08023	Xã Tây Cốc

Mã số	Tên đơn vị hành chính
08038	Xã Chân Mộng
08053	Xã Hạ Hòa
08071	Xã Đan Thượng
08110	Xã Hiền Lương
08113	Xã Yên Kỳ
08134	Xã Văn Lang
08143	Xã Vĩnh Chân
08152	Xã Thanh Ba
08173	Xã Quảng Yên
08203	Xã Hoàng Cương
08209	Xã Đông Thành
08218	Xã Chí Tiên
08227	Xã Liên Minh
08230	Xã Phù Ninh
08236	Xã Phú Mỹ
08245	Xã Trạm Thản
08254	Xã Dân Chủ
08275	Xã Bình Phú
08290	Xã Yên Lập
08296	Xã Sơn Lương
08305	Xã Xuân Viên

Mã số	Tên đơn vị hành chính
08311	Xã Trung Sơn
08323	Xã Thượng Long
08338	Xã Minh Hòa
08341	Xã Cẩm Khê
08344	Xã Tiên Lương
08377	Xã Vân Bán
08398	Xã Phú Khê
08416	Xã Hùng Việt
08431	Xã Đồng Lương
08434	Xã Tam Nông
08443	Xã Hiền Quan
08467	Xã Vạn Xuân
08479	Xã Thọ Văn
08494	Xã Lâm Thao
08500	Xã Xuân Lũng
08515	Xã Hy Cương
08521	Xã Phùng Nguyên
08527	Xã Bản Nguyên
08542	Xã Thanh Sơn
08545	Xã Thu Cúc
08560	Xã Lai Đồng

Mã số	Tên đơn vị hành chính
08566	Xã Tân Sơn
08584	Xã Võ Miếu
08590	Xã Xuân Đài
08593	Xã Minh Đài
08611	Xã Văn Miếu
08614	Xã Cự Đồng
08620	Xã Long Cốc
08632	Xã Hương Cần
08635	Xã Khả Cửu
08656	Xã Yên Sơn
08662	Xã Đào Xá
08674	Xã Thanh Thủy
08686	Xã Tu Vũ
08761	Xã Lập Thạch
08770	Xã Hợp Lý
08773	Xã Yên Lãng
08782	Xã Hải Lựu
08788	Xã Thái Hòa
08812	Xã Liên Hòa
08824	Xã Tam Sơn
08842	Xã Tiên Lữ
08848	Xã Sông Lô

Mã số	Tên đơn vị hành chính
08866	Xã Sơn Đông
08869	Xã Tam Dương
08872	Xã Tam Dương Bắc
08896	Xã Hoàng An
08905	Xã Hội Thịnh
08911	Xã Tam Đảo
08914	Xã Đạo Trù
08923	Xã Đại Đình
08935	Xã Bình Nguyên
08944	Xã Bình Tuyền
08950	Xã Bình Xuyên
08971	Xã Xuân Lãng
09025	Xã Yên Lạc
09040	Xã Tề Lỗ
09043	Xã Tam Hồng
09052	Xã Nguyệt Đức
09064	Xã Liên Châu
09076	Xã Vĩnh Tường
09079	Xã Vĩnh An
09100	Xã Vĩnh Hưng
09106	Xã Vĩnh Thành
09112	Xã Thổ Tang
09154	Xã Vĩnh Phú

31. THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
(Tổng số đơn vị hành chính cấp xã: 114, gồm 67 xã, 45 phường, 02 đặc khu)

Mã số	Tên đơn vị hành chính
10507	Phường Thành Đông
10525	Phường Hải Dương
10532	Phường Lê Thanh Nghị
10537	Phường Tân Hưng
10543	Phường Việt Hòa
10546	Phường Chí Linh
10549	Phường Chu Văn An
10552	Phường Nguyễn Trãi
10570	Phường Trần Hưng Đạo
10573	Phường Trần Nhân Tông
10603	Phường Lê Đại Hành
10660	Phường Ái Quốc
10675	Phường Kinh Môn
10678	Phường Bắc An Phụ
10714	Phường Nhị Chiểu
10726	Phường Phạm Sư Mạnh
10729	Phường Trần Liễu
10744	Phường Nguyễn Đại Năng
10837	Phường Nam Đồng

Mã số	Tên đơn vị hành chính
10891	Phường Tứ Minh
11002	Phường Thạch Khôi
11311	Phường Hồng Bàng
11329	Phường Ngô Quyền
11359	Phường Gia Viên
11383	Phường Lê Chân
11407	Phường An Biên
11411	Phường Đông Hải
11413	Phường Hải An
11443	Phường Kiến An
11446	Phường Phù Liễn
11455	Phường Đồ Sơn
11473	Phường Bạch Đằng
11488	Phường Lưu Kiếm
11506	Phường Lê Ích Mộc
11533	Phường Hòa Bình
11542	Phường Nam Triệu
11557	Phường Thiên Hương
11560	Phường Thủy Nguyên
11581	Phường An Dương
11593	Phường An Phong

Mã số	Tên đơn vị hành chính
11602	Phường Hồng An
11617	Phường An Hải
11689	Phường Hưng Đạo
11692	Phường Dương Kinh
11737	Phường Nam Đồ Sơn
10606	Xã Nam Sách
10615	Xã Hợp Tiến
10633	Xã Trần Phú
10642	Xã Thái Tân
10645	Xã An Phú
10705	Xã Nam An Phụ
10750	Xã Phú Thái
10756	Xã Lai Khê
10792	Xã An Thành
10804	Xã Kim Thành
10813	Xã Thanh Hà
10816	Xã Hà Bắc
10843	Xã Hà Nam
10846	Xã Hà Tây
10882	Xã Hà Đông
10888	Xã Cẩm Giang

Mã số	Tên đơn vị hành chính
10903	Xã Cẩm Giàng
10909	Xã Tuệ Tĩnh
10930	Xã Mao Điền
10945	Xã Kẻ Sặt
10966	Xã Bình Giang
10972	Xã Đường An
10993	Xã Thượng Hồng
10999	Xã Gia Lộc
11020	Xã Yết Kiêu
11050	Xã Gia Phúc
11065	Xã Trường Tân
11074	Xã Tứ Kỳ
11086	Xã Đại Sơn
11113	Xã Tân Kỳ
11131	Xã Chí Minh
11140	Xã Lạc Phượng
11146	Xã Nguyên Giáp
11164	Xã Vĩnh Lại
11167	Xã Tân An
11203	Xã Ninh Giang
11218	Xã Hồng Châu

Mã số	Tên đơn vị hành chính
11224	Xã Khúc Thừa Dụ
11239	Xã Thanh Miện
11242	Xã Nguyễn Lương Bằng
11254	Xã Bắc Thanh Miện
11257	Xã Hải Hưng
11284	Xã Nam Thanh Miện
11503	Xã Việt Khê
11629	Xã An Lão
11635	Xã An Trường
11647	Xã An Quang
11668	Xã An Khánh
11674	Xã An Hưng
11680	Xã Kiến Thụy
11713	Xã Nghi Dương
11725	Xã Kiến Minh
11728	Xã Kiến Hưng
11749	Xã Kiến Hải
11755	Xã Tiên Lãng
11761	Xã Quyết Thắng
11779	Xã Tân Minh
11791	Xã Tiên Minh

Mã số	Tên đơn vị hành chính
11806	Xã Chấn Hưng
11809	Xã Hùng Thắng
11824	Xã Vĩnh Bảo
11836	Xã Vĩnh Thịnh
11842	Xã Vĩnh Thuận
11848	Xã Vĩnh Hòa
11875	Xã Vĩnh Hải
11887	Xã Vĩnh Am
11911	Xã Nguyễn Bỉnh Khiêm
11914	Đặc khu Cát Hải
11948	Đặc khu Bạch Long Vĩ

33. TỈNH HƯNG YÊN
(Tổng số đơn vị hành chính cấp xã: 104, gồm 93 xã, 11 phường)

Mã số	Tên đơn vị hành chính
11953	Phường Phố Hiến
11980	Phường Hồng Châu
11983	Phường Sơn Nam
12103	Phường Mỹ Hào
12127	Phường Thượng Hồng
12133	Phường Đường Hào
12452	Phường Trần Hưng Đạo
12454	Phường Trần Lãm
12466	Phường Vũ Phúc
12817	Phường Trà Lý
13225	Phường Thái Bình
11977	Xã Tân Hưng
11992	Xã Lạc Đạo
11995	Xã Đại Đồng
12004	Xã Như Quỳnh
12019	Xã Văn Giang
12025	Xã Phụng Công
12031	Xã Nghĩa Trụ
12049	Xã Mễ Sở

Mã số	Tên đơn vị hành chính
12064	Xã Nguyễn Văn Linh
12070	Xã Hoàn Long
12073	Xã Yên Mỹ
12091	Xã Việt Yên
12142	Xã Ân Thi
12148	Xã Phạm Ngũ Lão
12166	Xã Xuân Trúc
12184	Xã Nguyễn Trãi
12196	Xã Hồng Quang
12205	Xã Khoái Châu
12223	Xã Triệu Việt Vương
12238	Xã Việt Tiến
12247	Xã Châu Ninh
12271	Xã Chí Minh
12280	Xã Lương Bằng
12286	Xã Nghĩa Dân
12313	Xã Đức Hợp
12322	Xã Hiệp Cường
12337	Xã Hoàng Hoa Thám
12361	Xã Tiên Hoa
12364	Xã Tiên Lữ

Mã số	Tên đơn vị hành chính
12391	Xã Quang Hưng
12406	Xã Đoàn Đào
12424	Xã Tiên Tiến
12427	Xã Tống Trân
12472	Xã Quỳnh Phụ
12499	Xã A Sào
12511	Xã Minh Thọ
12517	Xã Ngọc Lâm
12523	Xã Phụ Dực
12526	Xã Đồng Bằng
12532	Xã Nguyễn Du
12577	Xã Quỳnh An
12583	Xã Tân Tiến
12586	Xã Hưng Hà
12595	Xã Ngự Thiên
12613	Xã Long Hưng
12619	Xã Diên Hà
12631	Xã Thần Khê
12634	Xã Tiên La
12676	Xã Lê Quý Đôn
12685	Xã Hồng Minh

Mã số	Tên đơn vị hành chính
12688	Xã Đông Hưng
12694	Xã Bắc Đông Hưng
12700	Xã Bắc Tiên Hưng
12736	Xã Đông Tiên Hưng
12745	Xã Bắc Đông Quan
12754	Xã Tiên Hưng
12763	Xã Nam Tiên Hưng
12775	Xã Nam Đông Hưng
12793	Xã Đông Quan
12826	Xã Thái Thụy
12850	Xã Tây Thụy Anh
12859	Xã Bắc Thụy Anh
12862	Xã Đông Thụy Anh
12865	Xã Thụy Anh
12904	Xã Nam Thụy Anh
12916	Xã Bắc Thái Ninh
12919	Xã Tây Thái Ninh
12922	Xã Thái Ninh
12943	Xã Đông Thái Ninh
12961	Xã Nam Thái Ninh
12970	Xã Tiền Hải

Mã số	Tên đơn vị hành chính
12988	Xã Đông Tiền Hải
13003	Xã Đồng Châu
13021	Xã Ái Quốc
13039	Xã Tây Tiền Hải
13057	Xã Nam Cường
13063	Xã Nam Tiền Hải
13066	Xã Hưng Phú
13075	Xã Kiến Xương
13093	Xã Trà Giang
13096	Xã Bình Nguyên
13120	Xã Lê Lợi
13132	Xã Quang Lịch
13141	Xã Vũ Quý
13159	Xã Hồng Vũ
13183	Xã Bình Thanh
13186	Xã Bình Định
13192	Xã Vũ Thư
13219	Xã Vạn Xuân
13222	Xã Thư Trì
13246	Xã Tân Thuận
13264	Xã Thư Vũ
13279	Xã Vũ Tiên

37. TỈNH NINH BÌNH
(Tổng số đơn vị hành chính cấp xã: 129, gồm 97 xã, 32 phường)

Mã số	Tên đơn vị hành chính
13285	Phường Phủ Lý
13291	Phường Phù Vân
13318	Phường Châu Sơn
13324	Phường Duy Tiên
13330	Phường Duy Tân
13336	Phường Duy Hà
13348	Phường Đồng Văn
13363	Phường Tiên Sơn
13366	Phường Hà Nam
13384	Phường Kim Bảng
13393	Phường Lê Hồ
13396	Phường Nguyễn Úy
13402	Phường Kim Thanh
13420	Phường Tam Chúc
13435	Phường Lý Thường Kiệt
13444	Phường Liêm Tuyền
13669	Phường Nam Định
13684	Phường Thiên Trường
13693	Phường Đông A

Mã số	Tên đơn vị hành chính
13699	Phường Thành Nam
13708	Phường Mỹ Lộc
13777	Phường Trường Thi
13972	Phường Vị Khê
13984	Phường Hồng Quang
14329	Phường Hoa Lư
14359	Phường Nam Hoa Lư
14362	Phường Tam Điệp
14365	Phường Trung Sơn
14371	Phường Yên Sơn
14533	Phường Tây Hoa Lư
14566	Phường Đông Hoa Lư
14725	Phường Yên Thắng
13456	Xã Liêm Hà
13474	Xã Tân Thanh
13483	Xã Thanh Bình
13489	Xã Thanh Lâm
13495	Xã Thanh Liêm
13501	Xã Bình Mỹ
13504	Xã Bình Lục
13531	Xã Bình Giang
13540	Xã Bình An

Mã số	Tên đơn vị hành chính
13558	Xã Bình Sơn
13573	Xã Lý Nhân
13579	Xã Bắc Lý
13591	Xã Nam Xang
13594	Xã Trần Thương
13597	Xã Vĩnh Trụ
13609	Xã Nhân Hà
13627	Xã Nam Lý
13741	Xã Vụ Bản
13750	Xã Minh Tân
13753	Xã Hiển Khánh
13786	Xã Liên Minh
13795	Xã Ý Yên
13807	Xã Tân Minh
13822	Xã Phong Doanh
13834	Xã Vũ Dương
13864	Xã Vạn Thắng
13870	Xã Yên Cường
13879	Xã Yên Đồng
13891	Xã Nghĩa Hưng
13894	Xã Rạng Đông
13900	Xã Đồng Thịnh

Mã số	Tên đơn vị hành chính
13918	Xã Nghĩa Sơn
13927	Xã Hồng Phong
13939	Xã Quỹ Nhất
13957	Xã Nghĩa Lâm
13966	Xã Nam Trực
13987	Xã Nam Hồng
14005	Xã Nam Ninh
14011	Xã Nam Minh
14014	Xã Nam Đồng
14026	Xã Cổ Lễ
14038	Xã Ninh Giang
14053	Xã Trực Ninh
14056	Xã Cát Thành
14062	Xã Quang Hưng
14071	Xã Minh Thái
14077	Xã Ninh Cường
14089	Xã Xuân Trường
14095	Xã Xuân Hồng
14104	Xã Xuân Giang
14122	Xã Xuân Hưng
14161	Xã Giao Minh
14167	Xã Giao Thủy

Mã số	Tên đơn vị hành chính
14179	Xã Giao Hưng
14182	Xã Giao Hòa
14194	Xã Giao Bình
14203	Xã Giao Phúc
14212	Xã Giao Ninh
14215	Xã Hải Hậu
14218	Xã Hải Tiến
14221	Xã Hải Thịnh
14236	Xã Hải Anh
14248	Xã Hải Hưng
14281	Xã Hải An
14287	Xã Hải Quang
14308	Xã Hải Xuân
14389	Xã Gia Lâm
14401	Xã Gia Tường
14404	Xã Cúc Phương
14407	Xã Phú Sơn
14428	Xã Nho Quan
14434	Xã Thanh Sơn
14452	Xã Quỳnh Lưu
14458	Xã Phú Long
14464	Xã Gia Viễn

Mã số	Tên đơn vị hành chính
14482	Xã Gia Hưng
14488	Xã Gia Vân
14494	Xã Gia Trấn
14500	Xã Đại Hoàng
14524	Xã Gia Phong
14560	Xã Yên Khánh
14563	Xã Khánh Thiện
14608	Xã Khánh Trung
14611	Xã Khánh Nhạc
14614	Xã Khánh Hội
14620	Xã Phát Diệm
14623	Xã Bình Minh
14638	Xã Kim Sơn
14647	Xã Quang Thiện
14653	Xã Chất Bình
14674	Xã Lai Thành
14677	Xã Định Hóa
14698	Xã Kim Đông
14701	Xã Yên Mô
14728	Xã Yên Từ
14743	Xã Yên Mạc
14746	Xã Đồng Thái

38. TỈNH THANH HÓA
(Tổng số đơn vị hành chính cấp xã: 166, gồm 147 xã, 19 phường)

Mã số	Tên đơn vị hành chính
14758	Phường Hàm Rồng
14797	Phường Hạc Thành
14812	Phường Bỉm Sơn
14818	Phường Quang Trung
15853	Phường Đông Tiến
15925	Phường Nguyệt Viên
16378	Phường Đông Sơn
16417	Phường Đông Quang
16516	Phường Nam Sầm Sơn
16522	Phường Quảng Phú
16531	Phường Sầm Sơn
16561	Phường Tĩnh Gia
16576	Phường Ngọc Sơn
16594	Phường Tân Dân
16597	Phường Hải Lĩnh
16609	Phường Đào Duy Từ
16624	Phường Trúc Lâm
16645	Phường Hải Bình
16654	Phường Nghi Sơn

Mã số	Tên đơn vị hành chính
14845	Xã Mường Lát
14848	Xã Tam Chung
14854	Xã Mường Lý
14857	Xã Trung Lý
14860	Xã Quang Chiểu
14863	Xã Pù Nhi
14864	Xã Nhi Sơn
14866	Xã Mường Chanh
14869	Xã Hồi Xuân
14872	Xã Trung Thành
14875	Xã Trung Sơn
14878	Xã Phú Lệ
14890	Xã Phú Xuân
14896	Xã Hiền Kiệt
14902	Xã Nam Xuân
14908	Xã Thiên Phủ
14923	Xã Bá Thước
14932	Xã Điền Quang
14950	Xã Điền Lư
14953	Xã Quý Lương
14956	Xã Pù Luông

Mã số	Tên đơn vị hành chính
14959	Xã Cổ Lũng
14974	Xã Văn Nho
14980	Xã Thiết Ống
15001	Xã Trung Hạ
15007	Xã Tam Thanh
15010	Xã Sơn Thủy
15013	Xã Na Mèo
15016	Xã Quan Sơn
15019	Xã Tam Lư
15022	Xã Sơn Điện
15025	Xã Mường Mìn
15031	Xã Yên Khương
15034	Xã Yên Thắng
15043	Xã Giao An
15049	Xã Văn Phú
15055	Xã Linh Sơn
15058	Xã Đồng Lương
15061	Xã Ngọc Lặc
15085	Xã Thạch Lập
15091	Xã Ngọc Liên
15106	Xã Nguyệt Ấn

Mã số	Tên đơn vị hành chính
15112	Xã Kiên Thọ
15124	Xã Minh Sơn
15127	Xã Cẩm Thủy
15142	Xã Cẩm Thạch
15148	Xã Cẩm Tú
15163	Xã Cẩm Vân
15178	Xã Cẩm Tân
15187	Xã Kim Tân
15190	Xã Vân Du
15199	Xã Thạch Quảng
15211	Xã Thạch Bình
15229	Xã Thành Vinh
15250	Xã Ngọc Trạo
15271	Xã Hà Trung
15274	Xã Hà Long
15286	Xã Hoạt Giang
15298	Xã Lĩnh Toại
15316	Xã Tống Sơn
15349	Xã Vĩnh Lộc
15361	Xã Tây Đô
15382	Xã Biện Thượng

Mã số	Tên đơn vị hành chính
15409	Xã Yên Phú
15412	Xã Quý Lộc
15421	Xã Yên Trường
15442	Xã Yên Ninh
15448	Xã Định Hòa
15457	Xã Định Tân
15469	Xã Yên Định
15499	Xã Thọ Xuân
15505	Xã Thọ Long
15520	Xã Xuân Hòa
15544	Xã Lam Sơn
15553	Xã Sao Vàng
15568	Xã Thọ Lập
15574	Xã Xuân Tín
15592	Xã Xuân Lập
15607	Xã Bát Mọt
15610	Xã Yên Nhân
15622	Xã Vạn Xuân
15628	Xã Lương Sơn
15634	Xã Luận Thành
15643	Xã Thắng Lộc

Mã số	Tên đơn vị hành chính
15646	Xã Thường Xuân
15658	Xã Xuân Chinh
15661	Xã Tân Thành
15664	Xã Triệu Sơn
15667	Xã Thọ Bình
15682	Xã Hợp Tiến
15715	Xã Tân Ninh
15724	Xã Đồng Tiến
15754	Xã Thọ Ngọc
15763	Xã Thọ Phú
15766	Xã An Nông
15772	Xã Thiệu Hóa
15778	Xã Thiệu Tiến
15796	Xã Thiệu Quang
15820	Xã Thiệu Toán
15835	Xã Thiệu Trung
15865	Xã Hoằng Hóa
15880	Xã Hoằng Giang
15889	Xã Hoằng Phú
15910	Xã Hoằng Sơn
15961	Xã Hoằng Lộc

Mã số	Tên đơn vị hành chính
15976	Xã Hoằng Châu
15991	Xã Hoằng Tiến
16000	Xã Hoằng Thanh
16012	Xã Hậu Lộc
16021	Xã Triệu Lộc
16033	Xã Đông Thành
16072	Xã Hoa Lộc
16078	Xã Vạn Lộc
16093	Xã Nga Sơn
16108	Xã Tân Tiến
16114	Xã Nga Thắng
16138	Xã Hồ Vương
16144	Xã Nga An
16171	Xã Ba Đình
16174	Xã Như Xuân
16177	Xã Xuân Bình
16186	Xã Hóa Quỳ
16213	Xã Thanh Phong
16222	Xã Thanh Quân
16225	Xã Thượng Ninh
16228	Xã Như Thanh

Mã số	Tên đơn vị hành chính
16234	Xã Xuân Du
16249	Xã Mậu Lâm
16258	Xã Xuân Thái
16264	Xã Yên Thọ
16273	Xã Thanh Kỳ
16279	Xã Nông Cống
16297	Xã Trung Chính
16309	Xã Thắng Lợi
16342	Xã Thăng Bình
16348	Xã Trường Văn
16363	Xã Tượng Lĩnh
16369	Xã Công Chính
16438	Xã Lưu Vệ
16480	Xã Quảng Yên
16489	Xã Quảng Chính
16498	Xã Quảng Ngọc
16540	Xã Quảng Ninh
16543	Xã Quảng Bình
16549	Xã Tiên Trang
16591	Xã Các Sơn
16636	Xã Trường Lâm

40. TỈNH NGHỆ AN
(Tổng số đơn vị hành chính cấp xã: 130, gồm 119 xã, 11 phường)

Mã số	Tên đơn vị hành chính
16681	Phường Thành Vinh
16690	Phường Trường Vinh
16702	Phường Vinh Phú
16708	Phường Vinh Lộc
16732	Phường Cửa Lò
16939	Phường Thái Hòa
17011	Phường Tây Hiếu
17110	Phường Hoàng Mai
17125	Phường Quỳnh Mai
17128	Phường Tân Mai
17920	Phường Vinh Hưng
16738	Xã Quế Phong
16744	Xã Thông Thụ
16750	Xã Tiền Phong
16756	Xã Tri Lễ
16774	Xã Mường Quàng
16777	Xã Quỳ Châu
16792	Xã Châu Tiến
16801	Xã Hùng Chân

Mã số	Tên đơn vị hành chính
16804	Xã Châu Bình
16813	Xã Mường Xén
16816	Xã Mỹ Lý
16819	Xã Bắc Lý
16822	Xã Keng Đu
16828	Xã Huồi Tụ
16831	Xã Mường Lống
16834	Xã Na Loi
16837	Xã Nậm Cắn
16849	Xã Hữu Kiệm
16855	Xã Chiêu Lưu
16858	Xã Mường Típ
16870	Xã Na Ngoi
16876	Xã Tương Dương
16882	Xã Nhôn Mai
16885	Xã Hữu Khuông
16903	Xã Nga My
16906	Xã Lượng Minh
16909	Xã Yên Hòa
16912	Xã Yên Na
16933	Xã Tam Quang

Mã số	Tên đơn vị hành chính
16936	Xã Tam Thái
16941	Xã Nghĩa Đàn
16951	Xã Nghĩa Lâm
16969	Xã Nghĩa Thọ
16972	Xã Nghĩa Hưng
16975	Xã Nghĩa Mai
17017	Xã Đông Hiếu
17029	Xã Nghĩa Lộc
17032	Xã Nghĩa Khánh
17035	Xã Quỳ Hợp
17044	Xã Châu Hồng
17056	Xã Châu Lộc
17059	Xã Tam Hợp
17071	Xã Minh Hợp
17077	Xã Mường Ham
17089	Xã Mường Chọng
17143	Xã Quỳnh Văn
17149	Xã Quỳnh Tam
17170	Xã Quỳnh Sơn
17176	Xã Quỳnh Anh
17179	Xã Quỳnh Lưu

Mã số	Tên đơn vị hành chính
17212	Xã Quỳnh Phú
17224	Xã Quỳnh Thắng
17230	Xã Bình Chuẩn
17239	Xã Mậu Thạch
17242	Xã Cam Phục
17248	Xã Châu Khê
17254	Xã Con Cuông
17263	Xã Môn Sơn
17266	Xã Tân Kỳ
17272	Xã Tân Phú
17278	Xã Giai Xuân
17284	Xã Nghĩa Đồng
17287	Xã Tiên Đồng
17305	Xã Tân An
17326	Xã Nghĩa Hành
17329	Xã Anh Sơn
17335	Xã Thành Bình Thọ
17344	Xã Nhân Hòa
17357	Xã Vĩnh Tường
17365	Xã Anh Sơn Đông
17380	Xã Yên Xuân

Mã số	Tên đơn vị hành chính
17395	Xã Hùng Châu
17416	Xã Đức Châu
17419	Xã Hải Châu
17443	Xã Quảng Châu
17464	Xã Diễn Châu
17476	Xã Minh Châu
17479	Xã An Châu
17488	Xã Tân Châu
17506	Xã Yên Thành
17515	Xã Bình Minh
17521	Xã Quang Đồng
17524	Xã Giai Lạc
17530	Xã Đông Thành
17560	Xã Vân Du
17569	Xã Quan Thành
17605	Xã Hợp Minh
17611	Xã Vân Tụ
17623	Xã Bạch Ngọc
17641	Xã Lương Sơn
17662	Xã Đô Lương
17677	Xã Văn Hiến

Mã số	Tên đơn vị hành chính
17689	Xã Thuần Trung
17707	Xã Bạch Hà
17713	Xã Đại Đồng
17722	Xã Hạnh Lâm
17728	Xã Cát Ngạn
17743	Xã Tam Đồng
17759	Xã Sơn Lâm
17770	Xã Hoa Quân
17779	Xã Xuân Lâm
17791	Xã Kim Bảng
17818	Xã Bích Hào
17827	Xã Nghi Lộc
17833	Xã Hải Lộc
17842	Xã Thần Lĩnh
17854	Xã Văn Kiều
17857	Xã Phúc Lộc
17866	Xã Trung Lộc
17878	Xã Đông Lộc
17935	Xã Nam Đàn
17944	Xã Đại Huệ
17950	Xã Vạn An

Mã số	Tên đơn vị hành chính
17971	Xã Kim Liên
17989	Xã Thiên Nhẫn
18001	Xã Hưng Nguyên
18007	Xã Yên Trung
18028	Xã Hưng Nguyên Nam
18040	Xã Lam Thành

42. TỈNH HÀ TĨNH
(Tổng số đơn vị hành chính cấp xã: 69, gồm 60 xã, 09 phường)

Mã số	Tên đơn vị hành chính
18073	Phường Thành Sen
18100	Phường Trần Phú
18115	Phường Bắc Hồng Lĩnh
18118	Phường Nam Hồng Lĩnh
18652	Phường Hà Huy Tập
18754	Phường Sông Trí
18781	Phường Hải Ninh
18823	Phường Vũng Áng
18832	Phường Hoành Sơn
18133	Xã Hương Sơn
18160	Xã Sơn Hồng
18163	Xã Sơn Tiến
18172	Xã Sơn Tây
18184	Xã Sơn Giang
18196	Xã Sơn Kim 1
18199	Xã Sơn Kim 2
18202	Xã Tứ Mỹ
18223	Xã Kim Hoa
18229	Xã Đức Thọ

Mã số	Tên đơn vị hành chính
18244	Xã Đức Minh
18262	Xã Đức Quang
18277	Xã Đức Thịnh
18304	Xã Đức Đồng
18313	Xã Vũ Quang
18322	Xã Mai Hoa
18328	Xã Thượng Đức
18352	Xã Nghi Xuân
18364	Xã Đan Hải
18373	Xã Tiên Điền
18394	Xã Cổ Đạm
18406	Xã Can Lộc
18409	Xã Hồng Lộc
18418	Xã Tùng Lộc
18436	Xã Trường Lưu
18466	Xã Gia Hanh
18481	Xã Xuân Lộc
18484	Xã Đồng Lộc
18496	Xã Hương Khê
18502	Xã Hà Linh
18523	Xã Hương Bình

Mã số	Tên đơn vị hành chính
18532	Xã Hương Phố
18544	Xã Hương Xuân
18547	Xã Phúc Trạch
18550	Xã Hương Đô
18562	Xã Thạch Hà
18568	Xã Lộc Hà
18583	Xã Mai Phụ
18586	Xã Đông Kinh
18601	Xã Việt Xuyên
18604	Xã Thạch Khê
18619	Xã Đồng Tiến
18628	Xã Thạch Lạc
18634	Xã Toàn Lưu
18667	Xã Thạch Xuân
18673	Xã Cẩm Xuyên
18676	Xã Thiên Cầm
18682	Xã Yên Hòa
18685	Xã Cẩm Bình
18736	Xã Cẩm Hưng
18739	Xã Cẩm Duệ
18742	Xã Cẩm Trung

Mã số	Tên đơn vị hành chính
18748	Xã Cẩm Lạc
18766	Xã Kỳ Xuân
18775	Xã Kỳ Anh
18787	Xã Kỳ Văn
18790	Xã Kỳ Khang
18814	Xã Kỳ Hoa
18838	Xã Kỳ Lạc
18844	Xã Kỳ Thượng

(Xem tiếp Công báo số 921 + 922)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417
- Phát hành:	080.44243
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website	http://congbao.chinhphu.vn